

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL # _____
I-171 : Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

- APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN KÊ THỊ
Last Middle First
Current Address 34/15 ẤP BẮC - P.4 THỊ XÃ MỸ THO - TIỀN GIANG - VIỆT NAM
Date of Birth 3-4-1943 Place of Birth SAIGON
Previous Occupation (before 1975) THIỆU TÁ - TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG TẠ 74 BIỆT ĐỘNG QUÂN
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From May 8-1975 To Dec. 28-1980
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THÁI BỬU
Name
Address & Telephone HOUSTON TX.

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYỄN THÁI BỬU</u> <u>HOUSTON, TX.</u>	<u>Friend</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: June 1st 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN KIỆT THỊ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1- NGUYỄN QUẾ CHÂU	8-10-1945	Wife
2- NGUYỄN KIỆT THƯỜNG	12-7-1968	Son
3- NGUYỄN THANH TRÚC	30-10-1971	Daughter
4- NGUYỄN THUY TRÚC TIÊN	24-11-1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

34/15 Ấp Bắc, P4.
Thị xã Mỹ Tho, TIỀN GIANG.

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

INTAKE FORM (Two Copies) MAU DON VE LY-LICH *****

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN KÊ THỊ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 3-4-1943 SAIGON
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 34/15 ẤP BẮC P4
(Dia chi tai Viet-Nam) Thị xã Mỹ Tho - TIỀN GIANG - VIỆT NAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): May 8-1975 To (Den): Dec 28-1980
PLACE OF RE-EDUCATION: _____
CAMP (Trai tu) Thiền Fa Thiền đoàn Trúc Lâm
PROFESSION (Nghe nghiep): QUÂN NHÂN Thiền đoàn 74 Biệt Động Quân
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiền tá Thiền Đoàn Trúc Lâm
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 34/15 Ấp Bắc P4
Thị xã Mỹ Tho - TIỀN GIANG
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYỄN THÁI BỬU
HOUSTON, TX.
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): BẠN
NAME & SIGNATURE: NGUYỄN THÁI BỬU [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
HOUSTON, TX.
DATE: July 1st 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN KÊ THÌ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 - NGUYỄN QUÊ CHÂN	8-10-1945	Wife
2 - NGUYỄN KÊ THƯỜNG	12-7-1968	Son
3 - NGUYỄN THANH TRÚC	30-6-1971	Daughter
4 - NGUYỄN THUY TRÚC DIÊN	24-11-1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

34/15 Ấp Bàu', P4.
Thị xã Mỹ Tho, TIỀN GIANG.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

National office
Immigration and Refugee Services
1312 Mass Avenue NW
Washington DC 20005 USA

Political prisoner registration form.

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in Reeducation Camp in Viet-Nam so that eligibility for US admission via the ODP can be established.

Applicant in Viet-Nam.

Name: NGUYỄN KẾ THỊ

Rank: Thiếu tá

Function: Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 79
Biệt Động Quân / Liên đoàn 16.
Trại Hoàng Hoa Thám Đà Nẵng.

Military service serial number: 63/140354

Current address: 34/15 ẤP, BẮC P 4 CHI XÃ
MỸ CHO, Tỉnh Tiền - Giang

Date of birth: 3-4-1943

place of birth: Sài Gòn.

Names of accompanying relatives
dependent:

Name	DOB	POB	Sex	Relationship
Nguyễn Quế Châu	8-10-1945	Mỹ Phong	Nữ	Vợ
Nguyễn Kế Chương	12-7-1968	Mỹ Cho	Nam	con
Nguyễn Thanh Trúc	30-10-1971	Mỹ Cho	Nữ	con
Nguyễn Thụy Trúc Tiên	24-11-1981	Mỹ Cho	Nữ	con

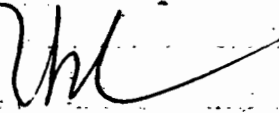
Time spent reeducation camp.

From : 8-5-1975 To : 28-12-1980

5 years 7 months 20 days

Mỹ Tho, ngày 12-4-1990

Signature of the applicant.



Đính kèm :

- 01 Bản Sao giấy ra trại
- 01 Giấy Xả Chê
- 01 Bản Sao Hôn thú
- 01 Bản Sao Lệnh bỏ nhà
- 05 Bản Sao giấy Khai Amb

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kc. BCT

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 4 GH

0402761254K1

SH22D

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-3-1961 của Bộ Công an,
Thực hành án văn, quyết định tha số 49 ngày 4 tháng 1 năm 1972
của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Văn Thi

Họ, tên thường gọi: Thi

Họ, tên bí danh: Thi

Sinh ngày 15 tháng 1 năm 1943

Nơi sinh: Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: Mỹ Tho

Cán tại: Dương Văn Khoa, Quận Phú Mỹ Tho

Đã bị bắt ngày 2/5/75 An phát

Theo quyết định, án văn số 49 ngày 4 tháng 1 năm 1972 của Bộ Nội vụ

Đã bị tước án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 84/15 Đường ấp Bắc, Thị xã Mỹ Tho, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

- Tư tưởng: xác định được tội lỗi, có 14 cải tạo về diện bộ, có 6 biểu hiện tốt.

- Lao động: Làm bảo vệ công, tích cực cải tạo, làm 1 năm nửa không phạm lỗi.

- Học tập: Tham gia đầy đủ, tiếp thu nhanh.

- Hội quần: Có 6 biểu hiện tốt.

Đã tay ngón trở phải

Chữ

Định biên số

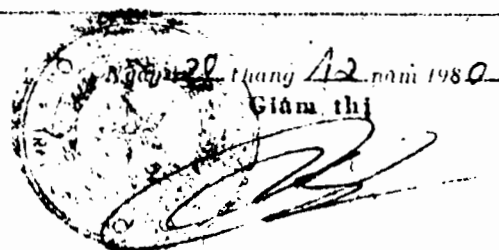
lập tại

quân pháp



Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Thi
Nguyễn Văn Thi



Thiếu tá: Nguyễn Văn Thi

LỆNH 111-1 B 111-1/111

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
LƯU-ĐƠN 4 HUY-TỈNH-QUÂN

Số 0129 / 111.

TRƯỞNG-BỘ : -V/v chức-vụ sĩ-lương .

ĐƠN : -ĐƠN số 07/3/ĐĐ/4.4/P.1/Đ ngày 26.04.71 của
ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1/Đ.

2



I.- Hay bổ-nhận các sĩ-lương theo chức-vụ bằng cấp-số
sĩ-lương .

Kể từ ngày 16 tháng 01 năm 1972 .

- Ủy-Cy/HQ NGUYỄN-KH-THA Sq. 03/140.3 + 0405-20.2
được đề cử giữ chức-vụ Trưởng Ban 2/Sĩ-lương Quân-Đoàn thuộc Bộ
Chỉ-huy/LĐ/4/P.1, thay thế Ủy-Cy NGUYỄN-THI-LIÊN chuyển được

- Ủy-Cy/HQ NGUYỄN-KH-THA Sq. 03/140.3 + 0405-20.2
được đề cử giữ chức-vụ Sĩ-lương Quân-Đoàn/Ban 2/Lưu-hành

II.- Chức-vụ Trưởng Ban được tương phụ cấp theo thể lệ
hội-hành .

III.- Lệnh bổ-nhận này sẽ được hợp thức-hóa bằng SVVT .

4

- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1
Trên trong trình cầu cứu ĐĐ
hội-hành SVVT hợp thức hóa

- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1

- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1

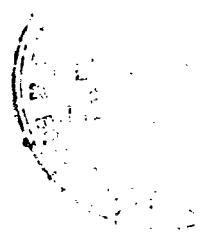
- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1

- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1

- Ủy chỉ-huy/ĐĐ/4.4/P.1

Ngày 26.04.71, ngày 26 tháng 04 năm 1972

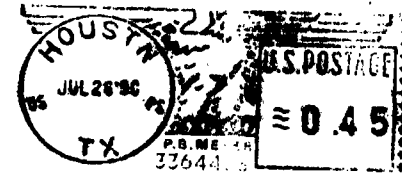
Trưởng-Ban 111-1/111
Lãnh-đoàn Trưởng-Ban 111-1/111



From: NGUYỄN THAI BƯU²

HOUSTON. TX.

AUG 01 1990



to: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHIÊN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. Box 5435

ARLINGTON

VA. 22205-0635